

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0642006 - Cơ lý thuyết

STC : 4(60,0,0,0,0,0)

Lần thi : 2

Lớp :

Năm học : 2012-2013

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Văn	Toàn	3641010370	22/02/1994	3,00	5,00	4,00	
2	Trương Hiệp	Sương	3642010533	12/01/1994	6,00	6,00	6,00	
3	Trần Triệu	Vĩ	3644010002	15/10/1993	7,00	4,00	5,50	
4	Nguyễn Văn	Lộc	3644010006	06/09/1993	5,50	5,00	5,30	
5	Nguyễn Quốc	Vinh	3644010008	30/08/1994	6,00	3,00	4,50	
6	Trần Đình	Khoa	3644010009	28/04/1994	6,00	5,00	5,50	
7	Trần Việt	Cường	3644010010	01/05/1994	,00	,00	,00	CT
8	Đặng Đức	Anh	3644010015	06/07/1992	5,00	6,00	5,50	
9	Nguyễn Hữu	Toàn	3644010017	10/05/1994	6,00	4,00	5,00	
10	Phạm Hoài	Phong	3644010031	05/06/1994	,00	,00	,00	CT
11	Nguyễn Văn	Pháp	3644010033	02/01/1994	6,50	3,00	4,80	
12	Nguyễn Văn	Khánh	3644010037	11/09/1994	,00	,00	,00	CT
13	Phan Thành	Tấn	3644010045	02/02/1994	6,00	6,00	6,00	
14	Ngô Minh	Hùng	3644010050	15/11/1993	5,50	3,00	4,30	
15	Nguyễn Thanh	Nhân	3644010061	20/12/1992	6,50	,00	3,30	
16	Hoàng Văn	Bằng	3644010063	14/02/1993	,00	,00	,00	CT
17	Vũ Lê Bắc	Nam	3644010075	13/02/1994	5,50	3,00	4,30	
18	Nguyễn Hoàng Khánh	Tân	3644010091	16/05/1994	2,00	,00	1,00	
19	Lê Quang	Hân	3644010119	28/02/1994	2,50	,00	1,30	
20	Nguyễn Chí	Công	3644010134	04/01/1993	,00	,00	,00	CT
21	Nguyễn Tiến	Dũng	3644010147	22/08/1994	5,50	5,00	5,30	
22	Nguyễn Trần Vương Vũ	Cường	3644010153	25/01/1993	6,00	3,00	4,50	
23	Nguyễn Quốc	Thái	3644010154	23/01/1993	5,00	3,00	4,00	
24	Trình Văn	Nam	3644010157	12/04/1994	5,50	,00	2,80	
25	Nguyễn Đắc	Tài	3644010176	11/04/1994	,00	,00	,00	CT
26	Võ Thanh	Hạnh	3644010191	14/04/1994	6,50	5,00	5,80	
27	Nguyễn Hoàng	Nhân	3644010204	17/07/1993	5,00	3,00	4,00	
28	Lê Văn	Danh	3644010217	12/01/1992	5,50	,00	2,80	
29	Nguyễn Hoàng	Nam	3644010226	20/01/1992	6,00	2,00	4,00	
30	Nguyễn Hữu	Thanh	3644010251	12/11/1993	6,50	4,00	5,30	
31	Nguyễn Văn	Nhận	3644010273	19/04/1994	6,00	8,00	7,00	
32	Huỳnh Thanh	Hiệp	3644010281	11/05/1993	6,00	4,00	5,00	
33	Nguyễn Văn	Đông	3644010291	06/10/1994	5,50	5,00	5,30	
34	Văn Thế	Đồng	3644010298	02/02/1994	5,00	,00	2,50	
35	Nguyễn Đình	Huy	3644010303	15/07/1993	6,50	3,00	4,80	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn Khắc	Điệp	3644010306	21/09/1994	5,50	,00	2,80	
37	Trần Minh	Toàn	3644010307	20/08/1993	5,50	1,00	3,30	
38	Kiều Vũ	Khương	3644010310	27/03/1994	5,50	6,00	5,80	
39	Nguyễn Đức	Dương	3644010316	02/04/1993	4,50	,00	2,30	
40	Đường Dĩ	Cử	3644010322	05/08/1990	6,50	7,00	6,80	
41	Lê Minh	Thông	3644010323	04/03/1993	5,50	,00	2,80	
42	Huỳnh Hoàng	Minh	3644010328	01/09/1993	5,50	5,00	5,30	
43	Nguyễn Kim	Bình	3644010338	24/11/1994	5,50	2,00	3,80	
44	Hà Thư	Hoàng	3644010340	18/07/1993	6,50	8,00	7,30	
45	Hà Nhất	Linh	3644010346	20/04/1993	2,00	,00	1,00	
46	Nguyễn Hồng	Thiện	3644010351	16/03/1994	5,50	4,00	4,80	
47	Lê Tấn	Vũ	3644010376	20/07/1994	6,00	5,00	5,50	
48	Nguyễn Nhật	Huy	3644010393	02/09/1994	6,00	6,00	6,00	
49	Ngô Hữu	Thọ	3644010399	10/12/1993	,00	,00	,00	CT
50	Lê Quốc	Huy	3644010416	01/01/1994	5,50	,00	2,80	
51	Lư Minh	Luân	3644010418	16/08/1993	5,50	,00	2,80	
52	Đỗ Ý	Trường	3644010419	27/05/1993	6,50	4,00	5,30	
53	Đặng Lâm Quốc	Thành	3644010431	16/10/1994	5,00	,00	2,50	
54	Vương Quốc	Bảo	3644010432	26/07/1993	5,50	5,00	5,30	
55	Lê Công	Thảo	3644010439	12/06/1994	6,00	5,00	5,50	
56	Nguyễn Văn	Sang	3644010446	25/08/1994	6,00	4,00	5,00	
57	Nguyễn Văn	Danh	3644010454	28/08/1993	6,50	,00	3,30	
58	Nguyễn Trọng	Tấn	3644010456	14/06/1994	6,00	4,00	5,00	
59	Nguyễn Hoàng	Khan	3644010457	21/07/1993	5,50	5,00	5,30	
60	Nguyễn Đăng	Khánh	3644010458	08/08/1994	5,50	4,00	4,80	
61	Nguyễn Hồ	Quân	3644010461	10/01/1992	4,50	,00	2,30	
62	Nguyễn Quang	Phong	3644010479	02/08/1994	3,50	,00	1,80	
63	Phan Vĩnh	Nghi	3644010485	16/04/1994	6,50	7,00	6,80	
64	Hồ Quang	Huy	3644010490	15/06/1993	4,50	3,00	3,80	
65	Đoàn Ngọc	Tuấn	3644010491	26/12/1994	6,50	,00	3,30	
66	Phạm Minh	Hải	3644010492	13/03/1994	5,00	,00	2,50	
67	Đặng Tấn	Hòa	3644010493	05/05/1992	,00	,00	,00	CT
68	Phạm Văn	Tiến	3644010518	20/10/1993	6,00	7,00	6,50	
69	Hồ Trương Kỳ	Phong	3644010523	07/10/1994	5,50	5,00	5,30	
70	Khru Dũ	Cường	3644010524	05/09/1994	,00	,00	,00	CT
71	Đặng Hào	Kiệt	3644010527	28/06/1994	6,50	3,00	4,80	
72	Đinh Thiên	Thành	3644010531	26/08/1994	4,50	,00	2,30	
73	Nguyễn Hữu	Hoàng	3644012000	22/06/1993	4,50	7,00	5,80	
74	Đỗ Đức	Khánh	3644012001	25/09/1993	5,50	,00	2,80	
75	Nguyễn Công Hân	Hoan	3644012024	10/06/1994	6,00	,00	3,00	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Lâu Quốc	Huân	3644012032	10/05/1994	5,00	2,00	3,50	
77	Phan Thành	Lợi	3644012040	13/02/1994	7,00	6,00	6,50	
78	Phạm Thành	Tín	3644012042	22/08/1994	6,00	9,00	7,50	
79	Phạm Đình	Khiêm	3644012056	20/12/1992	6,00	5,00	5,50	
80	Nguyễn Hồ	Duy	3644012058	13/11/1992	5,50	10,00	7,80	
81	Lê	Vũ	3644012066	10/09/1992	6,00	5,00	5,50	
82	Nguyễn Hữu Hoàng	Đăng	3644012070	30/06/1993	,50	,00	,30	
83	Cát Văn	Tuân	3644012071	27/03/1994	5,50	,00	2,80	
84	Vũ Thành	An	3644012100	25/09/1994	2,50	,00	1,30	
85	Võ Minh	Quyền	3644012109	08/06/1993	5,00	,00	2,50	
86	Châu Quốc	Tính	3644012110	04/02/1993	5,50	6,00	5,80	
87	Phan Trọng	Nhật	3644012113	06/11/1992	5,50	5,00	5,30	
88	Lê Văn	Nhơn	3644012116	19/09/1993	5,00	,00	2,50	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 05 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)